



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2022

A- THÔNG TIN CHUNG

- ❖ **Thông tin khái quát**
- ❖ **Quá trình hình thành và phát triển**
- ❖ **Ngành nghề hoạt động kinh doanh**
- ❖ **Địa bàn hoạt động kinh doanh**
- ❖ **Mô hình quản trị, Cơ cấu bộ máy quản lý**
- ❖ **Định hướng phát triển**
- ❖ **Rủi ro**

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

| | |
|--|---|
| Tên giao dịch | Công ty Cổ phần Thương mại đầu tư SHB |
| Giấy chứng nhận ĐKKD | <ul style="list-style-type: none">Mã số: 5400213153Đăng ký lần đầu ngày 29/11/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 18/06/2022 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình. |
| Vốn điều lệ | 48.849.000.000 đồng |
| Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2022 (theo BCTC đã kiểm toán) | 29.194.280.974 VNĐ |
| Địa chỉ | Tổ 9 Phường Tân Hòa, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình |
| Điện thoại | 02183.854515/0916.023.638 |
| Fax | |
| Website | http://www.ximangsongda.vn/ |
| Mã cổ phiếu | SCC |

2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY

| Ngày tháng | Mốc phát triển quan trọng |
|--|---|
| Giai đoạn 1: Từ năm 1992 đến năm 2001 | <ul style="list-style-type: none">- Sau khi công trình thủy điện Hòa Bình được xây dựng xong, để giải quyết nguồn nhân lực còn dôi dư hoặc không có điều kiện chuyển đi công tác nơi khác, lãnh đạo Tổng công ty xây dựng thủy điện Sông Đà quyết định xây dựng Nhà máy xi măng Sông Đà lò đứng với dây chuyền thiết bị, công nghệ nhập từ Trung Quốc, công suất thiết kế 8,2 vạn tấn xi măng/ năm.- Nhà máy được chính thức khởi công xây dựng từ tháng 02 năm 1993 với tổng diện tích đất đai là 35.333 m², trong đó diện tích nhà xưởng là 32.600 m², diện tích sân bãi là 2.733 m². Các phân xưởng được bố trí linh hoạt, phù hợp với diện tích đất đai và phù hợp với dây chuyền công nghệ. Đến tháng 10 năm 1994, nhà máy được xây dựng xong và bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Dây chuyền thiết bị tương đối hoàn chỉnh và hiện đại kể từ khâu nghiền sây phối liệu cho đến khâu đóng bao xi măng.- Địa hình nơi Nhà máy xây dựng có nhiều thuận lợi cho việc cung cấp nguyên, nhiên vật liệu, vật tư đầu vào và tiêu thụ sản phẩm. Một bên Nhà máy nằm sát Sông Đà thuận tiện cho giao thông đường thủy, một bên Nhà máy nằm gần với Quốc lộ 6 thuận tiện cho việc vận chuyển, chuyên chở bằng đường bộ.- Nguồn nguyên liệu phục vụ cho sản xuất sẵn có ở địa phương như đá vôi, đất sét và nguồn nhân lực...- Sau gần một năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, sản phẩm xi măng của đơn vị đã được Tổng cục đo lường chất lượng chứng nhận phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam và sản phẩm đã được đưa vào xây dựng các công trình dân dụng, một số các công trình trọng điểm tại địa phương. Tuy bước đầu Nhà máy còn gặp nhiều khó khăn về sản xuất và địa bàn tiêu thụ sản phẩm song với đội ngũ cán bộ nhân viên có trình độ và tay nghề được đào tạo thường xuyên kết hợp với sự ủng hộ của Tổng công ty Sông Đà, công suất máy móc thiết bị ngày càng được nâng cao, chất lượng sản phẩm ngày càng ổn định và sản phẩm của đơn vị đã chiếm được phần lớn thị trường khu vực Tây Bắc, khu vực Hà Nội, Hà Tây.- Đến tháng 6 năm 1996, sản phẩm của đơn vị tiếp tục được cấp dấu chất lượng hợp chuẩn và công suất thực tế đã khai thác đạt khoảng 80% so với công suất thiết kế. Tháng 3 năm 1998, sản phẩm của Nhà máy đạt Huy chương Bạc về chất lượng xi măng quốc gia, đạt 100% công suất thiết kế và tiêu thụ. Năm |

| | |
|---|---|
| | <p>2000, Tổng công ty Sông Đà giao kế hoạch sản xuất và tiêu thụ 75.000 tấn xi măng/năm, thực tế đã sản xuất và tiêu thụ đạt 85.000 tấn.</p> |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Tháng 10 năm 2001, Nhà máy được cấp chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001-2000. Hiện nay, Công ty vẫn duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng này và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng ngày càng phù hợp. Năm 2001, 100% sản phẩm của Nhà máy sản xuất ra đều đạt tiêu chuẩn quốc gia và được khách hàng tín nhiệm. Mẫu mã, bao bì được cải tiến phù hợp với thị hiếu của khách hàng. Năm 2001, Nhà máy đã sản xuất và tiêu thụ đạt 89.000 tấn xi măng. |
| Giai đoạn 2: từ năm 2002 đến nay | <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về việc chuyển các doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần (theo Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 18/6/2002 của Chính phủ), Nhà máy Xi măng Sông Đà là đơn vị thành viên của Công ty Sông Đà 12 thuộc Tổng công ty Sông Đà đã trở thành Công ty cổ phần xi măng Sông Đà hoạt động theo Luật doanh nghiệp theo Quyết định số 1461/QĐ/BXD ngày 01/11/2002 với số vốn Điều lệ khi thành lập là 17 tỷ đồng (trong đó Tổng công ty Sông Đà giữ cổ phần chi phối chiếm tỷ lệ 52,7%). Công ty tiếp tục hoạt động trên cơ sở máy móc, dây chuyền thiết bị công nghệ và nguồn nhân lực hiện có. Công ty có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của Pháp luật Việt Nam, có con dấu riêng và độc lập về tài sản, có Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty. - Năm 2002, kế hoạch sản xuất và tiêu thụ đặt ra là 90.000 tấn xi măng/ năm, thực tế đã sản xuất và tiêu thụ 110.000 tấn, đạt 122% so với kế hoạch và đạt 134% so với công suất thiết kế. Từ năm 2003 cho đến nay, sản lượng sản xuất và tiêu thụ luôn được giữ vững, đạt từ 100.000 tấn đến 110.000 tấn/ năm. - Năm 2005, Công ty cổ phần xi măng Sông Đà đã vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng Huân chương lao động hạng III cho những đóng góp của đơn vị trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Năm 2016 Công ty đổi tên thành Công ty CP Đầu tư thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình. - Vốn điều lệ của Công ty duy trì ở mức 19,8 tỷ đồng cho đến thời điểm tháng 6/2020 Công ty đã thực hiện đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ đầu tiên cho nhà đầu tư chiến lược với tổng giá trị gần 29 tỷ đồng. Do đó vốn điều lệ công ty đã tăng từ 19,8 tỷ đồng lên 48,85 tỷ đồng giúp cho Công ty có đủ nguồn vốn để thực hiện các phương án đầu tư, kinh doanh thương mại. |

| | |
|--|--|
| | - Tháng 12/2020 Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Thương mại đầu tư SHB, đồng thời tiến hành nhiều thay đổi quan trọng trong bộ máy tổ chức quản lý, cũng như hệ thống sản xuất kinh doanh. |
| | |

3. NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5400213153 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hòa Bình cấp lần thứ 12 ngày 18/06/2021, các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty như sau:

| STT | Tên ngành/ Nội dung |
|-----|--|
| 1 | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng khí và các sản phẩm liên quan : Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan. |
| 2 | Bán buôn tổng hợp. |
| 3 | Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa. |
| 4 | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây nông nghiệp. |
| 5 | Chăn nuôi gia cầm và sản xuất gia cầm |
| 6 | Khai thác gỗ |
| 7 | Khai thác, thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ, chi tiết: + Khai thác lâm sản khác trừ gỗ |
| 8 | Khai thác, thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ, chi tiết: + Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ |
| 9 | Bán buôn kim loại và quặng kim loại |
| 10 | Khai thác và thu gom than cứng |
| 11 | Khai thác và thu gom than non |
| 12 | Khai thác quặng sắt |
| 13 | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (trừ quặng kim loại quý hiếm), chi tiết: + Khai thác quặng uranium và quặng thorium |
| 14 | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (trừ quặng kim loại quý hiếm) Chi tiết: Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt |
| 15 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác (Bao gồm cả thăm dò khoáng sản) |
| 16 | Đại lý du lịch |
| 17 | Điều hành tua du lịch |
| 18 | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá tổ chức tua du lịch |

| | |
|----|---|
| 19 | Bán buôn thực phẩm |
| 20 | Bán buôn đồ uống |
| 21 | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế) |
| 22 | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác |
| 23 | Bán lẻ ô tô con (Loại 9 chỗ trở xuống) |
| 24 | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác |
| 25 | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe động cơ khác |
| 26 | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác |
| 27 | Bán mô tô, xe máy |
| 28 | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy. |
| 29 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp |
| 30 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. |
| 31 | Xây dựng công trình đường sắt |
| 32 | Xây dựng công trình đường bộ |
| 33 | Xây dựng công trình thủy |
| 34 | Xây dựng công trình khai khoáng |
| 35 | Xây dựng các công trình điện |
| 36 | Xây dựng các công trình viễn thông, thông tin liên lạc |
| 37 | Phá dỡ mặt bằng. |
| 38 | Chuẩn bị mặt bằng |
| 39 | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Đồ ngũ kim, sơn, kính |
| 40 | Xây dựng các công trình chế biến, chế tạo. |
| 41 | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi điều hoà không khí. |
| 42 | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác |
| 43 | Cho thuê xe có động cơ |
| 44 | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. |
| 45 | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác |
| 46 | Sản xuất đồ gỗ xây dựng |
| 47 | Sản xuất bao bì bằng gỗ |
| 48 | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện |
| 49 | Bán buôn gạo |
| 50 | Bán buôn nông, lâm, hải sản và động vật sống |

| | |
|----|--|
| 51 | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn - Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự |
| 52 | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động |
| 53 | Bán lẻ hàng hoá khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh: |
| 54 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ |
| 55 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy |
| 56 | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. |
| 57 | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao (Bao gồm cả sản xuất gạch không nung) |
| 58 | Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại chưa phân vào đâu. |
| 59 | Kho bãi và lưu giữ hàng hoá. |
| 60 | Bốc xếp hàng hoá. |
| 61 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng |
| 62 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu tổng hợp (khi có đủ điều kiện được nhà nước cho phép) |
| 63 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, Chi tiết: Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở |
| 64 | Vận tải hàng hóa bằng đường |
| 65 | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét |
| 66 | Khai thác khoáng chưa được phân vào đâu: Chi tiết: khai thác tận thu nguyên liệu sản xuất xi măng |
| 67 | Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa Chi tiết: sản xuất bao bì bằng giấy (vỏ bao xi măng) |
| 68 | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao Chi tiết: sản xuất xi măng |

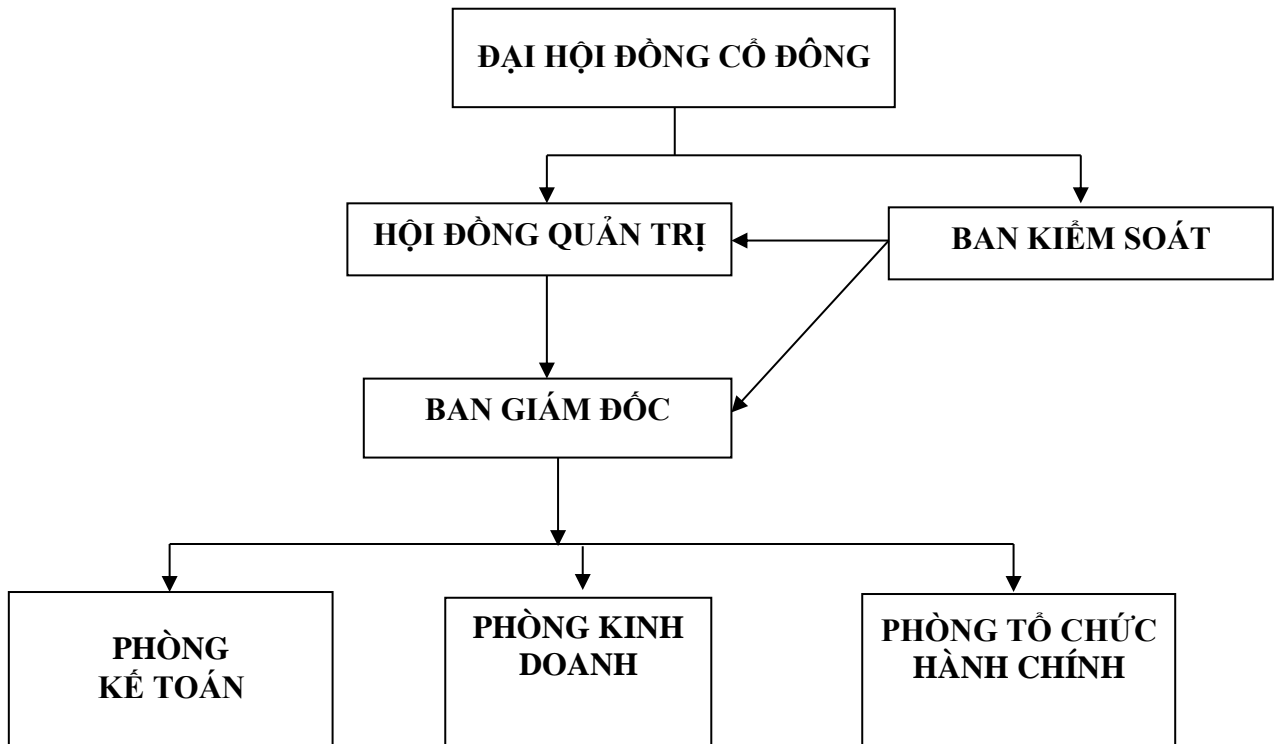
4. ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Công ty hoạt động kinh doanh ở địa bàn kinh doanh chính là: Điện Biên, Phú Thọ, Tây Bắc Bộ,

Hòa Bình, Hải Phòng.



5. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



6. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

6.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận thông qua mở rộng hình thức sở hữu và huy động vốn, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và phương pháp quản lý tiên tiến.
- Tạo công ăn việc làm, duy trì quyền làm chủ của người lao động trong Công ty.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước và đảm bảo lợi nhuận cho Công ty, đảm bảo duy trì và ngày càng tăng lợi tức cho các cổ đông.

6.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

✓ Về phát triển kinh doanh

Trong thời gian trước mắt cũng như về lâu dài, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện những chiến lược phát triển đã vạch ra:

- Phát triển và nâng cao năng lực của Công ty;
- Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư nâng cấp, mở rộng cảng thương mại SHB; kinh doanh các mặt hàng

đá xây dựng, cát nhân tạo, vật liệu xây dựng xi măng, đồng thời mở rộng và phát triển thêm các ngành sản xuất kinh doanh mới có nhiều tiềm năng.

- Thường xuyên theo dõi, nắm bắt diễn biến thị trường trong nước và thế giới nhằm dự đoán đúng xu hướng thị trường để đưa ra các quyết định phù hợp;
- Tăng cường công tác quản lý các mặt, đặc biệt là quản lý chi phí, quản lý nợ và đổi mới chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng tốt yêu cầu sản xuất kinh doanh.

✓ Về xây dựng văn hóa doanh nghiệp

- Tuyên truyền cho CBCNV chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của nước, nội quy quy chế của doanh nghiệp.
- Tôn trọng các giá trị của doanh nghiệp (tôn trọng chất lượng sản phẩm do mình tạo ra).
- Tác phong làm việc công nghiệp, thái độ làm việc vui vẻ, văn minh lịch sự.
- Thực hiện tốt các quyền lợi đối với người lao động; động viên khen thưởng CBCNV kịp thời tạo động lực cho người lao động trong lao động sản xuất.
- Tạo điều kiện thuận lợi nhất để các tổ chức đoàn thể trong Doanh nghiệp hoạt động.

✓ Các hoạt động khác

- Đối với việc bảo vệ môi trường: nghiêm chỉnh chấp hành hướng dẫn của cơ quan chức năng; trang bị những thiết bị.
- Tích cực tham gia các hoạt động của địa phương: đóng góp đầy đủ các quỹ, thăm hỏi tặng quà cho các đối tượng CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, tích cực tham gia các hoạt động công ích của địa phương ...
- Sản xuất kinh doanh theo đúng quy định của Nhà nước.

7. RỦI RO

7.1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái... Các yếu tố này có những tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và Công ty Cổ phần Thương mại đầu tư SHB nói riêng.

Một số rủi ro lớn nhất hiện nay có thể làm thay đổi xu thế tăng trưởng và khả năng phục hồi của kinh tế Việt Nam trong năm 2022 và tác động có thể kéo dài sang 2023 được chỉ ra gồm: Cuộc

chiến tại Ukraine kéo dài và khủng hoảng năng lượng tại Liên minh châu Âu (EU); chính sách “Zero Covid” và suy giảm tăng trưởng tại Trung Quốc; tình trạng đứt gãy các chuỗi cung ứng toàn cầu; chính sách tăng lãi suất của Hoa Kỳ và phản ứng các đồng tiền lớn khác; khủng hoảng năng lượng tại EU và đặc biệt là vòng xoáy lạm phát và nguy cơ suy thoái tại các nền kinh tế lớn.

Các số liệu về tăng trưởng kinh tế thế giới các quý đầu năm 2022 cho thấy, sự sụt giảm mạnh của các nền kinh tế lớn do biến động địa chính trị thế giới, lạm phát và chính sách “Zero Covid” tại Trung Quốc. Các nhân tố bất lợi dồn dập xuất hiện, đan xen phức tạp khiến cho vấn đề lạm phát và suy thoái càng trở nên khó giải quyết hơn. Lạm phát tăng nhanh buộc ngân hàng trung ương các nước nhiều lần tăng mạnh lãi suất, nhưng cuộc xung đột Ukraine kéo dài, chính sách “Zero Covid” buộc Trung Quốc nhiều lần áp dụng chính sách phong tỏa khiến nguồn cung, các chuỗi cung ứng tiếp tục ở trạng thái khan hiếm, đứt gãy, nguy cơ giá cả vẫn sẽ ở mức cao ngay cả khi chính sách tiền tệ được thắt chặt.

Các dự báo tăng trưởng toàn cầu năm 2022 - 2023 đều bị điều chỉnh giảm mạnh do các bất ổn ngày càng gia tăng. Tháng 6/2022, Ngân hàng thế giới hạ dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2022 xuống khoảng 2,2 - 2,3%, thấp hơn nhiều so với mức trung bình 3,6% trước đại dịch (2010 - 19) và các mức dự báo trước đây. Trong khi đó, Quỹ Tiền tệ quốc tế (tháng 7/2022) cũng đã hạ dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2022 xuống 3,2%, so với mức dự báo 3,6% vào hồi tháng 4/2022, do suy giảm kinh tế ở Trung Quốc, Nga và Hoa Kỳ. Về tăng trưởng của năm 2023, IMF cũng hạ dự báo GDP từ mức 3,6% đưa ra hồi tháng 4 xuống còn 2,9% do tác động của chính sách tiền tệ bị thắt chặt. Tăng trưởng của các nền kinh tế phát triển dự kiến sụt giảm mạnh.

7.2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro luật pháp là những rủi ro thay đổi chính sách theo chiều hướng bất lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Rủi ro luật pháp còn là rủi ro phát sinh từ việc không áp dụng kịp thời, phù hợp với các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

7.3. Rủi ro đặc thù ngành

Rủi ro về biến động giá cổ phiếu

Những biến động bất lợi của giá cổ phiếu trên thị trường có thể gây ảnh hưởng xấu đến các nhà đầu tư và doanh nghiệp. Việc biến động giá có thể xuất phát từ nhiều nguyên nhân, như quy luật cung- cầu trên thị trường, tâm lý sợ hãi và tham lam của các nhà đầu tư, những thông tin không chắc chắn và những biến động giá từ thị trường quốc tế, hay do chính bản thân doanh nghiệp làm ăn không hiệu quả, thua lỗ... Những điều này có thể làm cho giá cổ phiếu của doanh nghiệp sụt giảm nghiêm trọng, làm doanh nghiệp khó huy động vốn. Do đó, doanh nghiệp luôn hỗ trợ nhà đầu tư bằng việc cung cấp thông tin minh bạch, kịp thời, nhằm giúp nhà đầu tư có thể đưa ra quyết định đúng đắn nhất dựa trên kế hoạch phát triển trung và dài hạn của Công ty.



B- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022

- ❖ **Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**
- ❖ **Tổ chức và nhân sự**
- ❖ **Tình hình đầu tư, tình hình thực các dự án**
- ❖ **Tình hình tài chính**
- ❖ **Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**
- ❖ **Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội**

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT TRONG NĂM

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022

(Đơn vị tính: Đồng)

| STT | Chỉ tiêu | Số tiền |
|-----|---|------------------------|
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1.677.344.949 |
| 2 | Các khoản giảm trừ | 0 |
| 3 | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1.677.344.949 |
| 4 | Giá vốn hàng bán | 1.288.542.820 |
| 5 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 388.802.129 |
| 6 | Doanh thu hoạt động tài chính | 127.959 |
| 7 | Chi phí tài chính | 37.275.342 |
| 8 | Chi phí bán hàng | 616.011.612 |
| 9 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 2.139.686.959 |
| 10 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | (2.404.043.825) |
| 11 | Thu nhập khác | 0 |
| 12 | Chi phí khác | 27.845.160 |
| 13 | Lợi nhuận khác | (27.845.160) |
| 14 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | (2.431.888.985) |
| 15 | Thuế TNDN | - |
| 17 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | (2.431.888.985) |
| 18 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | (507) |

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2022)

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

2.1 Danh sách Ban điều hành

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|-----------------|-----------------------|
| 1 | Nguyễn Thị Hà | Chủ tịch HĐQT |
| 2 | Trần Anh Anh | Tổng giám đốc Công ty |
| 3 | Nguyễn Tự Hào | Thành viên HĐQT |
| 4 | Trần Anh Anh | Thành viên HĐQT |
| 5 | Phạm Thanh Dung | Kế toán trưởng |

• Bà Nguyễn Thị Hà - Chủ tịch HĐQT

| | |
|---------------------------------------|--|
| Giới tính | Nữ |
| Ngày tháng năm sinh | 11/01/1988 |
| Nơi sinh | Vĩnh Long, Vĩnh Bảo, Hải Phòng |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Địa chỉ thường trú | 01/TT4, dự án Hải Đăng City, tdp 11, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội |
| Chỗ ở hiện tại | 01/TT4, dự án Hải Đăng City, tdp 11, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội |
| CMND | <ul style="list-style-type: none">Số: 040353654Ngày cấp: 07/3/2006Nơi cấp: CA tỉnh Điện Biên |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân kinh tế |
| Chức vụ hiện nay | Chủ tịch HĐQT |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác | |
| Số cổ phần nắm giữ | Tổng: 0 cổ phiếu, trong đó: Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ. |

| | |
|--|--|
| | <ul style="list-style-type: none"> Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ. |
| Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan | |

• **Ông Trần Anh Anh – Tổng Giám đốc Công ty kiêm Thành viên HĐQT**

| | |
|--|--|
| Giới tính | Nam |
| Ngày tháng năm sinh | 08/07/1984 |
| Nơi sinh | Hải Phòng |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Địa chỉ thường trú | Lâm Động, Thủy Nguyên, Hải Phòng |
| Chỗ ở hiện tại | Số 1, tổ 14, phường Phương Lâm, TP. Hoà Bình |
| Thẻ căn cước công dân | 031084012972 |
| Trình độ chuyên môn | Giám đốc kinh doanh (CCO) |
| Chức vụ hiện nay | Tổng GD Công ty |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác | Không |
| Số cổ phần nắm giữ | Tổng 0 cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan | 0 cổ phiếu |

• **Ông Nguyễn Tự Hào – Thành viên HĐQT**

| | |
|---------------------|---|
| Giới tính | Nam |
| Ngày tháng năm sinh | 07/06/1974 |
| Nơi sinh | Tỉnh Điện Biên |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Địa chỉ thường trú | Lại Xuân - Thủy Nguyên - Hải Phòng |
| Chỗ ở hiện tại | Tổ 9, phường Tân Hòa, TP Hoà Bình, tỉnh Hòa |

| | |
|--|---|
| | Bình |
| Thẻ căn cước công dân | 31074001549 |
| Trình độ chuyên môn | Giám đốc kinh doanh (CCO) |
| Chức vụ hiện nay | Thành viên HĐQT |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác | Không |
| Số cổ phần nắm giữ | Tổng 44.000 cổ phiếu, trong đó: Sở hữu cá nhân: 44.000 cổ phiếu, chiếm 0,9 % vốn điều lệ. Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ. |
| Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan | 0 cổ phiếu |

• **Bà Phạm Thanh Dung – Kế toán trưởng**

| | |
|--|--|
| Giới tính | Nữ |
| Ngày tháng năm sinh | 01/10/1992 |
| Nơi sinh | Tỉnh Điện Biên |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Địa chỉ thường trú | Hồng Việt, Đông Hưng, Thái Bình. |
| CMND | 040414925 cấp ngày 07/07/2011 do Công an tỉnh Điện Biên cấp. |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân kế toán |
| Chức vụ hiện nay | Kế toán trưởng |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác | Không |
| Số cổ phần nắm giữ | Tổng 0 cổ phiếu. |
| Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan | 0 cổ phiếu |

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành

Ngày 21/06/2022, Miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT đối với ông Nguyễn Văn Hưng đồng thời bổ nhiệm mới Chủ tịch HĐQT Nguyễn Thị Hà, miễn nhiệm TV HĐQT đối với ông Dương Đình Khôi đồng thời bổ nhiệm mới TV HĐQT đối với ông Trần Anh Anh.

3. SỐ LƯỢNG CÁN BỘ NHÂN VIÊN VÀ CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG

| Tiêu chí | Giá trị |
|---------------------------------|---------|
| Số lượng nhân sự đến 31/12/2022 | 4 người |

- Chế độ làm việc:

Công ty luôn bố trí sắp xếp đủ việc làm cho người lao động và thực hiện đầy đủ các chế độ đối với người lao động theo các quy định.

Thời gian làm việc: 8 giờ/ngày. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh, Công ty có thể yêu cầu CBCNV làm thêm giờ và thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, Lễ, Tết: Nhân viên Công ty được nghỉ lễ, Tết theo đúng qui định của nhà nước.

Nghỉ ốm, thai sản: CBCNV Công ty khi nghỉ ốm và thai sản sẽ được hưởng trợ cấp ốm đau, thai sản do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật Lao động.

Điều kiện làm việc: Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên làm việc, cụ thể, Công ty trang bị đầy đủ trang thiết bị để nhân viên làm việc. Ngoài ra, nguyên tắc an toàn lao động luôn được Công ty tuân thủ nghiêm ngặt.

- Chính sách đào tạo:

Do yêu cầu vận hành các dây chuyền kỹ thuật mới trong xây dựng nên vấn đề đào tạo và đào tạo lại được Công ty thực hiện thường xuyên và liên tục.

Trong công tác đào tạo, đặc biệt chú trọng các hoạt động đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân và trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho khối cán bộ quản lý. Việc đào tạo thường được tiến hành tại Công ty, ngoài ra Công ty cũng cử cán bộ công nhân viên đi học nâng cao tại các trường đại học, các trung tâm hoặc tham gia các khoá đào tạo ngắn hạn, dài hạn để cập nhật kiến thức, thông tin mới.

- Chính sách lương thưởng vào phúc lợi:

Công ty áp dụng phương án trả lương theo chức danh công việc, theo năng suất, mức khoán tùy theo vị trí công việc được giao, đảm bảo nguyên tắc phân phối theo lao động, vị trí công việc

nhằm thu hút được nhân lực có trình độ cao.

Tiếp tục duy trì thực hiện chế độ phụ cấp cho các chức danh và vị trí có yêu cầu đặc biệt để đảm bảo khuyến khích lao động gắn bó làm việc lâu dài tại Công ty.

- Chính sách trợ cấp:

Trợ cấp khó khăn tùy theo mức độ;

Trợ cấp thôi việc theo Luật hiện hành và Công ty cũng trợ cấp thêm tiền ngoài Luật

- Các chính sách khác:

Người lao động được thực hiện đầy đủ các chế độ quy định tại Bộ luật Lao động và Điều lệ Bảo hiểm xã hội hiện hành gồm trợ cấp ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hưu trí, tử tuất.

4. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

4.1 Các dự án đầu tư lớn trong năm 2022

5. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

5.1 Tình hình tài chính Công ty

(Đơn vị tính : Đồng)

| Chỉ tiêu | Năm 2022 | Năm 2021 | % tăng giảm |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|--------------------|
| Tổng giá trị tài sản | 33.797.525.293 | 36.350.971.599 | 92.98% |
| Doanh thu thuần | 1.677.344.949 | 17.524.259.590 | 9.56% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 388.802.129 | 1.969.150.142 | 19.70% |
| Lợi nhuận khác | (27.845.160) | (42.599.734) | 65.36% |
| Lợi nhuận trước thuế | (2.431.888.985) | 1.926.550.408 | 126.22% |
| Lợi nhuận sau thuế | (2.431.888.985) | 1.926.550.408 | 52,46% |

(Số liệu lấy từ BCTC năm 2022 đã kiểm toán)

5.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

(Đơn vị tính: Đồng)

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2022 (BCTC) | Năm 2021 (BCTC) | |
|---|------------|-----------------------------|-----------------------------|--|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | | |

| | | | | |
|--|------|-------|-------|--|
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/Nợ NH) | Lần | 4.42 | 4,59 | |
| - Hệ số thanh toán nhanh (TSNH-Hàng tồn kho)/Nợ NH | Lần | 4.41 | 4,58 | |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | | |
| - Hệ số nợ/tổng tài sản | Lần | 0,21 | 0,20 | |
| - Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu | Lần | 0,26 | 0,25 | |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | | |
| - Vòng quay hàng tồn kho (Giá VHB/hàng tồn kho bq) | Vòng | 17,88 | 88,73 | |
| - Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân | Lần | 0,048 | 0,45 | |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | | |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần | % | 1.45 | 10,99 | |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH bình quân | % | 0.06 | 6,82 | |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS bình quân | % | 0.07 | 4,96 | |
| - Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần | % | 1.43 | 11,24 | |

Qua các số liệu hoạt động SXKD của Công ty năm 2022 cho thấy:

Trong năm 2022, Công ty thực hiện cơ cấu hoạt động kinh doanh theo định hướng giảm về lượng tăng về chất, đẩy nhanh tính luân chuyển trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng doanh thu giảm mạnh so với 2021 nên các chỉ tiêu về lợi nhuận, vòng quay hàng tồn kho đều giảm. Đây có thể được coi là chính sách phù hợp với tình hình môi trường kinh doanh năm vừa qua, nhằm hạn chế tối đa nhất các rủi ro với tình hình tài chính của Công ty. Bên cạnh đó, với định hướng kinh doanh này, Công ty cũng tạo ra một nền tảng vững chắc cho hoạt động kinh doanh trong các năm tiếp theo.

6. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

6.1. Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành : 4.792.500 cổ phần. Trong đó:

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 4.792.500 cổ phần.

Số cổ phiếu quỹ : 92.400 cổ phần

6.2. Cơ cấu cổ đông

| TT | Danh mục | Số lượng (cổ đồng) | Số cổ phần (cổ phần) | Giá trị theo mệnh giá (VND) | Tỷ lệ (%) |
|------------|---------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------------------|---------------|
| I | Cổ đông trong nước | 504 | 4.756.800 | 47.568.000.000 | 97,38% |
| 1 | Cổ đông tổ chức | 8 | 1.207.220 | 12.072.200.000 | 24,71% |
| | <i>Trong đó: Nhà nước</i> | 2 | 32.140 | 321.400.000 | 0,66% |
| 2 | Cổ đông cá nhân | 496 | 3.549.580 | 35.495.800.000 | 72,67% |
| II | Cổ đông nước ngoài | 26 | 35.700 | 357.000.000 | 0,73% |
| 1 | Cổ đông tổ chức | 1 | 5.900 | 59.000.000 | 0,12% |
| 2 | Cổ đông cá nhân | 25 | 29.800 | 298.000.000 | 0,61% |
| III | Cổ phiếu quỹ | | 92.400 | 924.000.000 | 1,89% |
| | <u>Tổng cộng</u> | 530 | 4.884.900 | 48.849.000.000 | 100% |

- Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

| TT | Tên cổ đông | Số ĐKKD/ CMND | Địa chỉ | Số cổ phần nắm giữ (cổ phần) | Tỷ lệ/ VĐL (%) |
|------------------|---|------------------|---|---------------------------------------|-------------------|
| 1. | ĐỖ VĂN TRƯỜNG | 031361494 | Lại Xuân, Thủy Nguyên, Hải Phòng | 1.917.300 | 39,25% |
| 2. | CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HÙNG LONG TỈNH ĐIỆN BIÊN | 5600252488 | Bản Na Thìn, xã Pom Lót, huyện Điện Biên | 1.082.500 | 22,16% |
| 3. | NGUYỄN ĐỨC THUẬN | 040830712 | Phường Mường Thanh, TP Điện Biên, tỉnh Điện Biên | 900.000 | 18,42% |
| Tổng cộng | | | | 3.899.800 | 79,83% |

6.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu không thay đổi.

6.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ: 92.400 cổ phiếu.

7. BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

7.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty được sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, giảm giá vốn, hạn chế chi phí xử lý.

7.2. Tiêu thụ năng lượng

Công ty luôn chú trọng đến vấn đề tiết kiệm năng lượng; nâng cao ý thức cán bộ công nhân viên trong việc sử dụng tiết kiệm điện; ưu tiên sử dụng bóng đèn compact tiết kiệm điện.

7.3. Tiêu thụ nước:

Về vấn đề xử lý nước thải: Công ty thu gom và xử lý nước thải đúng quy định, đảm bảo không ảnh hưởng môi trường xung quanh.

7.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn tuân thủ và chủ động nắm bắt các quy định của pháp luật về môi trường; phổ biến cán bộ công nhân viên nắm bắt và thực hiện.

7.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

Công ty thực hiện chính sách đối với người lao động theo quy định của Luật Lao động, mua bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động. Người lao động của Công ty được hưởng đầy đủ các quyền lợi và chế độ được quy định trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, được tham gia hoạt động công đoàn; đoàn thanh niên.

C- BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- ❖ **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**
- ❖ **Tình hình tài chính**
- ❖ **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**
- ❖ **Kế hoạch phát triển trong tương lai**



1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

(Đơn vị tính: Đồng)

| Chỉ tiêu | Năm 2022 (BCTC kiểm toán) | Năm 2021 (BCTC kiểm toán) | Tỷ lệ tăng giảm (%) |
|---------------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------|
| 1. Doanh thu thuần | 1.677.344.949 | 17.524.259.590 | 9.56% |
| 2. Giá vốn hàng bán | 1.288.542.820 | 10.023.302.883 | 12.85% |
| 3. Lợi nhuận gộp | 388.802.129 | 7.500.956.707 | 5.17% |
| 4. Doanh thu tài chính | 127.959 | 282.175 | 45.04% |
| 5. Chi phí tài chính | 37.275.342 | 43.879.161 | 86.04% |
| 6. Chi phí bán hàng | 616.011.612 | 2.982.597.063 | 20.65% |
| 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 2.139.686.959 | 2.505.612.516 | 85.39% |
| 8. Lợi nhuận từ hoạt động SXKD | (2.404.043.825) | 1.969.150.142 | 122,09% |
| 9. Lợi nhuận khác | (27.845.160) | -42.599.734 | 64,28% |
| 10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | (2.431.888.985) | 1.926.550.408 | 126.22% |
| 11. Thuế TNDN hiện hành | 0 | 0 | |
| 12. Lợi nhuận sau thuế TNDN | (2.431.888.985) | 1.926.550.408 | 126% |
| 13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng) | (507) | 402 | 126% |

(Số liệu lấy từ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022)

Năm 2022, với tình hình khó khăn đã diễn ra trong suốt 01 năm vừa qua, HĐQT đã rất nỗ lực triển khai hoạt động kinh doanh và tạo công ăn việc làm cho nhiều cán bộ nhân viên. Áp lực về lỗ các năm liền, HĐQT cũng đã luôn tìm thêm các cơ hội từ các nhà đầu tư để gia tăng các lĩnh vực sản xuất mới. Dự kiến trong thời gian tới, Công ty sẽ mở rộng thêm địa bàn kinh doanh và tích cực tìm thêm các khách hàng tiềm năng trải rộng khắp nước để gia tăng lợi nhuận.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

2.1. Tình hình tài sản

(Đơn vị tính: Đồng)

| Chỉ tiêu | Năm 2022 | Năm 2021 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| A. Tài sản ngắn hạn | 30.096.828.170 | 31.447.742.910 |
| I. Tiền | 32.773.965 | 102.318.187 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | | |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 29.771.988.526 | 31.134.337.976 |
| IV. Hàng tồn kho | 83.681.339 | 61.134.464 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 208.384.340 | 149.952.283 |
| B. Tài sản dài hạn | 3.700.697.123 | 4.903.228.689 |
| I. Tài sản dở dang dài hạn | 350.294.545 | 150.294.545 |
| II. Tài sản cố định | 2.474.674.362 | 2.750.021.244 |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 500.000.000 | 500.000.000 |
| V. Tài sản dài hạn khác | 375.728.216 | 1.502.912.900 |
| Tổng tài sản | 33.797.525.293 | 36.350.971.599 |

(Số liệu lấy từ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022)

Tình hình tài sản Công ty trong năm chủ yếu là tài sản ngắn hạn. Tài sản ngắn hạn năm nay của Công ty giảm ở hầu hết các chỉ tiêu nhưng chủ yếu từ giảm công nợ phải thu. Trong năm, Công ty cũng không thực hiện đầu tư hạng mục tài sản nào lớn, tổng tài sản dài hạn giảm chủ yếu do khấu hao và việc thanh lý một số tài sản dài hạn khác nhằm thu nguồn tài chính, cơ cấu lại nợ phải trả, giảm thiểu rủi ro tài chính trong tình hình dịch bệnh.

2.2. Tình hình nợ phải trả

(Đơn vị tính: đồng)

| Chỉ tiêu | Năm 2022 <i>(BCTC đã kiểm toán)</i> | Năm 2021 <i>(BCTC đã kiểm toán)</i> | Tăng giảm <i>(+/-%)</i> |
|-------------------------|--|--|-----------------------------------|
| A.Nợ phải trả | 7.035.133.304 | 7.156.690.625 | -1.69% |
| I.Nợ ngắn hạn | 6.802.990.449 | 6.853.119.198 | -0.75% |
| II.Nợ dài hạn | 232.142.855 | 303.571.427 | -23.43% |
| B.Vốn chủ sở hữu | 26.762.391.989 | 29.194.280.974 | -8.33 % |
| Tổng nguồn vốn | 33.797.525.293 | 36.350.971.599 | -7.02% |

(Số liệu lấy từ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022)

Trong năm 2022, bằng các biện pháp thanh lý tài sản không hiệu quả, tăng cường công tác thu hồi công nợ và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, Công ty đã thực hiện cơ cấu giảm công nợ phải trả qua đó giảm áp lực, rủi ro tài chính của Công ty trong giai đoạn dịch bệnh. Tạo ra nền tảng vững chắc cho phục hồi và phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty trong các năm tiếp theo.

3. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2023

3.1. Chiến lược phát triển nâng cao năng lực Công ty

Thực hiện chuyển đổi cơ cấu tổ chức của Công ty, nâng cao năng lực và vị thế cạnh tranh, phạm vi hoạt động và sản xuất đa dạng.

Củng cố và xây dựng bộ máy tham mưu giúp việc cho Ban lãnh đạo Công ty gọn nhẹ nhưng thực sự tinh nhuệ, đủ mạnh, có trình độ chuyên môn vững vàng để đảm đương và hoàn thành các công việc thật sự chất lượng, hiệu quả.

3.2. Chiến lược phát triển trong sản xuất kinh doanh

Chiến lược phát triển khâu thương mại: Mua bán cát, đá nhân tạo....:

Những năm gần đây, việc sử dụng cát nhân tạo hay còn gọi là cát nghiền đá vôi, đá granit, đá bazan... đang trở thành một xu hướng tất yếu khi mà nhiều công trình xây dựng có quy mô lớn, nhỏ đã sử dụng cát nhân tạo thay thế cát tự nhiên, trước vùng nguyên liệu khai thác cát tự nhiên ngày càng bị thu hẹp.

Mặc dù nhu cầu sử dụng cát cho xây dựng và san lấp rất lớn, nhưng sản lượng khai thác cát tự nhiên không còn nhiều, cộng với việc Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo quyết liệt rà soát, giám sát

và xử lý triệt để các tổ chức, cá nhân khai thác cát lậu lại càng làm cho nguồn cung cát tự nhiên bị thu hẹp. Việc sử dụng cát nhân tạo, dưới góc nhìn của các chuyên gia kinh tế xây dựng, sẽ góp phần làm giảm thất thoát, lãng phí, tiết kiệm chi phí cho công trình trước tình hình biến động không ổn định của giá cát tự nhiên.

Theo đó, Công ty đang nỗ lực phát triển ngành thương mại: mua bán đá, cát nhân tạo để tăng doanh thu và đem lại lợi nhuận về Công ty.

3.3. Chiến lược đầu tư, đào tạo phát triển nguồn nhân lực

Nâng cao thu nhập CBCNV, có cơ chế ưu đãi khuyến khích động viên cán bộ, nhân viên, công nhân kỹ thuật khi phải đảm nhận nhiệm vụ, đảm đương các công việc có tính chất phức tạp và nằm tại các vùng khó khăn, yên tâm công tác.

Tạo điều kiện và môi trường làm việc để mỗi cá nhân có cơ hội tự phát triển, hoàn thiện, nâng cao trình độ nghiệp vụ của mình.

Thường xuyên gửi cán bộ công nhân viên đi tập huấn ngắn hạn, dài hạn để nâng cao chất lượng cán bộ, trình độ chuyên môn.

Hợp tác đào tạo hoặc gửi đi đào tạo khối công nhân kỹ thuật để có thể tiếp cận và vận hành các dây truyền sản xuất mới, hiện đại.

3.4. Chiến lược huy động vốn, tăng vốn điều lệ của Công ty cổ phần:

Huy động nguồn vốn từ các cá nhân, tổ chức; phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ để huy động bổ sung nguồn vốn đầu tư cho các dự án tiềm năng mà Công ty đang triển khai.

3.5. Công tác tài chính

Tìm phương án phù hợp để giải quyết bài toán Quy mô tài chính phù hợp. hiệu quả đáp ứng dòng đầu tư từ sản xuất kinh doanh, phát triển quảng bá sản phẩm, sửa chữa nhà máy, máy móc thiết bị, hoạt động hỗ trợ sản xuất kinh doanh năm 2022 và những năm tới.

3.6. Công tác tổ chức

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các văn bản quản trị nội bộ phù hợp và hiệu quả với mọi hoạt động của Công ty.
- Xây dựng hệ thống các tiêu chuẩn cụ thể đánh giá chất lượng lao động.
- Đầu tư trọng điểm cho nhân sự, cán bộ, nhân viên Công ty trong mọi bộ phận luôn là yếu tố then chốt quyết định kết quả công việc.



II. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- ❖ **Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**
- ❖ **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty**
- ❖ **Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**



1. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Công tác phát triển Công ty

Hiện tại lĩnh vực chủ yếu của SCC là kinh doanh đá xây dựng, cát nhân tạo đây là những lĩnh vực có nhiều triển vọng và phù hợp với định hướng phát triển của ngành và chính sách của Nhà Nước. Những năm gần đây, việc sử dụng cát nhân tạo hay còn gọi là cát nghiền đá vôi, đá granit, đá bazan... đang trở thành một xu hướng tất yếu khi mà nhiều công trình xây dựng có quy mô lớn, nhỏ đã sử dụng cát nhân tạo thay thế cát tự nhiên, trước vùng nguyên liệu khai thác cát tự nhiên ngày càng bị thu hẹp.

Mặc dù nhu cầu sử dụng cát cho xây dựng và san lấp rất lớn, nhưng sản lượng khai thác cát tự nhiên không còn nhiều, cộng với việc Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo quyết liệt rà soát, giám sát và xử lý triệt để các tổ chức, cá nhân khai thác cát lậu lại càng làm cho nguồn cung cát tự nhiên bị thu hẹp. Việc sử dụng cát nhân tạo, dưới góc nhìn của các chuyên gia kinh tế xây dựng, sẽ góp phần làm giảm thất thoát, lãng phí, tiết kiệm chi phí cho công trình trước tình hình biến động không ổn định của giá cát tự nhiên. Trong những năm tới, Công ty đã đề ra chiến lược gia tăng sản xuất kinh doanh như phát triển nguồn nhân lực, huy động vốn, tiếp tục củng cố, kiện toàn cũng như mở rộng ngành nghề. Với định hướng này, Công ty có thể kết hợp sức mạnh truyền thống của mình trong lĩnh vực xây lắp với sức mạnh cũng như thời cơ trong việc kinh doanh bất động sản để hoà cùng sự phát triển của đất nước trong giai đoạn hiện nay.

1.2. Công tác tài chính

- Lập kế hoạch dự toán tài chính hàng tháng, quý năm từ các bộ phận để tổng hợp thành dự toán tài chính toàn Công ty với mục đích sử dụng hiệu quả nhất nguồn vốn kinh doanh.
- Năm 2022 Công ty thực hiện tốt các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, cổ đông, người lao động theo nghị quyết Đại hội cổ đông giao.
- Năm 2022 Công ty đã thuê Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY kiểm toán báo cáo tài chính theo đúng điều lệ quy định.

1.3. Công tác tổ chức

- Bổ nhiệm các cán bộ quản lý có năng lực, trách nhiệm, nhiệt tình phục vụ công tác quản lý của các bộ phận chức năng trong Công ty.
- Ban hành các Quy chế quản lý Công ty theo Điều lệ và phù hợp thực tế để quản trị Công ty khoa học, hiệu quả.

- Bổ sung thêm nhân sự có năng lực phù hợp yêu cầu công việc cho các bộ phận phục vụ công tác theo đúng Quy trình thi tuyển dụng công khai, minh bạch.

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Chủ tịch HĐQT, Ban Tổng giám đốc đứng đầu là Tổng giám đốc Công ty đã điều hành linh hoạt, năng động, sáng tạo, dám nghĩ dám làm và là người đại diện trước pháp luật đã điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, tuân thủ nghiêm túc các quy định của Pháp luật hiện hành, phù hợp với nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty.

Tổng giám đốc đã phân giao nhiệm vụ công tác cụ thể cho từng thành viên trong Ban Tổng giám đốc phụ trách các lĩnh vực hoạt động của Công ty, chỉ đạo các phòng ban rà soát, hoàn chỉnh quy chế và kiện toàn bộ máy tổ chức, nhân sự; Nắm bắt và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đã hoàn thành xuất sắc, đạt và vượt các chỉ tiêu theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT cụ thể như các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội cho người lao động, công tác an sinh xã hội, nhân đạo, từ thiện và đảm bảo cổ tức cho cổ đông...

III. QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ❖ **Hội đồng quản trị**
- ❖ **Ban Kiểm soát**
- ❖ **Thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát**



1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị giám sát Ban giám đốc trong việc thực hiện nghị quyết HĐQT, nghị quyết, quyết định đại hội cổ đông, các quy chế quản lý và điều lệ của Công ty đã ban hành.
- Hàng tháng HĐQT kiểm điểm công tác triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh tháng trước và kế hoạch tháng, quý sau; nắm bắt kịp thời các bất cập tồn tại và đề ra biện pháp khắc phục yêu cầu BGD thực hiện.
- Phê duyệt và giám sát việc cân đối về nguồn lực, vật lực, trang thiết bị để tổ chức sản xuất kinh doanh nhằm hoàn thành kế hoạch của Ban giám đốc điều hành.
- Các cuộc họp của HĐQT như sau:

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|------------------------------|------------|--|
| 1 | 3101/2022/NQ- HĐQT/SCC | 31/03/2022 | Lùi ngày họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 |
| 2 | 1305/NQ- HĐQT/SCC | 13/05/2022 | Triệu tập họp ĐHCĐ thường niên năm 2022 |
| 3 | Số 01-2022/NQ- HĐQT | 21/06/2022 | Miễn nhiệm và bầu nhiệm chủ tịch HĐQT |

1.2. Cơ cấu thành phần Hội đồng quản trị

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số CP sở hữu cá nhân | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|---------------|-----------------|----------------------|--------------|
| 1 | Nguyễn Thị Hà | Chủ tịch HĐQT- | 0 | 0% |
| 2 | Nguyễn Tự Hào | Thành viên HĐQT | 44.000 | 0,9% |
| 3 | Trần Anh Anh | Thành viên HĐQT | 0 | 0% |

2. BAN KIỂM SOÁT

2.1. Ban kiểm soát

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số CP sở hữu | Tỷ lệ % |
|-----|---------------|----------------|--------------|---------|
| 1 | Đỗ Thị Phương | Trưởng Ban BKS | 0 | 0% |
| 2 | Trần Thị Oanh | Thành viên BKS | 0 | 0% |
| 3 | Bùi Thị Dung | Thành viên BKS | 0 | 0% |

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
 - Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty; việc chấp hành các quy chế, quy định nội bộ hiện hành do HĐQT và Tổng giám đốc Công ty ban hành.
- BKS đã tham gia đóng góp ý kiến trong các cuộc họp HĐQT cùng HĐQT xây dựng định hướng cho SXKD đầu tư XDCB đạt hiệu quả.

3. THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

| Nội dung | Số tiền(đ/người/tháng) |
|---|------------------------|
| Thù lao của Chủ tịch HĐQT | 0 đồng |
| Thù lao của Thành viên HĐQT | 0 đồng |
| Thù lao của Trưởng Ban kiểm soát | 0 đồng |
| Thù lao của Thành viên Ban kiểm soát, thư ký HĐQT | 0 đồng |

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

- Không có

| Số TT | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-------|---------------------------|--------------------------|---------------------------|-------|----------------------------|-------|--|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | |
| 1 | | | | | | | |

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Không có

3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Thực hiện theo đúng quy chế quản trị Công ty, điều lệ tổ chức hoạt động và quy định của pháp luật.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022: Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY

1. Ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại đầu tư SHB tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Các báo cáo tài chính: Bảng cân đối kế toán; báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh báo cáo tài chính; Báo cáo kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

(Có báo cáo tài chính kèm theo)

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

